

QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI GIỮA PHÚC KIẾN (TRUNG QUỐC) VÀ ASEAN

BÌ QUÂN

*Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á
Đại học Hạ Môn - Trung Quốc*

I. ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ KINH TẾ- THƯƠNG MẠI GIỮA PHÚC KIẾN VÀ ASEAN

•1. Thương mại song phương phát triển nhanh chóng

Xét về thương mại song phương, từ trước tới nay, Phúc Kiến và các nước ASEAN là đối tác thương mại quan trọng. Những năm gần đây, cùng với việc đẩy nhanh tiến trình xây dựng khu vực mậu dịch tự do với ASEAN, quan hệ kinh tế - thương mại giữa Phúc Kiến với ASEAN càng phát triển nhanh. ASEAN đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 4 của tỉnh Phúc Kiến. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2006 gấp 4 lần so với năm 1996, từ tháng 1-8 năm 2007, Phúc Kiến nhập khẩu từ ASEAN 1,884 tỉ USD, tăng trưởng 24,47% so với cùng kỳ, xuất khẩu sang ASEAN đạt 2,514 tỉ USD, tăng trưởng 39,7% (xem bảng 1). Năm 2005, thương mại song phương

giữa Phúc Kiến với các nước ASEAN như Malaixia, Xinggapo, Philippin, Indônêxia, Thái Lan và Việt Nam đều vượt mức 200 triệu USD (xem bảng 2)

Phúc Kiến chủ yếu nhập khẩu từ ASEAN các mặt hàng như: điện cơ, thiết bị tự động hóa và linh kiện, phụ kiện, cao su tự nhiên, dầu thành phẩm, dầu ăn thực vật, than..., xuất khẩu chủ yếu các loại hàng hoá như: điện cơ, may mặc, giấy dếp, sợi vải, linh kiện ô tô... Sản phẩm điện cơ là loại hàng xuất nhập khẩu lớn nhất chiếm gần 50% tổng kim ngạch thương mại song phương.

Năm 2005, Phúc Kiến nhập khẩu từ Indônêxia cao su tự nhiên với tổng kim ngạch là 24,62 triệu USD, bột giấy: 16,35 triệu USD, thiết bị tự động hóa và phụ tùng thay thế: 14,89 triệu USD; dầu thành phẩm: 13,96 triệu USD. Nhập khẩu từ Malaixia sản phẩm điện cơ đạt 365,69 triệu USD, thiết bị tự động hóa

và phụ tùng thay thế: 59,54 triệu USD; dầu ăn thực vật: 49,16 triệu USD; nhựa sơ chế: 30,81 triệu USD; linh kiện thiết bị tự động hóa: 28,46 triệu USD. Nhập khẩu từ Philippin sản phẩm điện cơ với kim ngạch đạt 172,71 triệu USD, thiết bị tự động và phụ tùng thay thế: 49,96 triệu USD, vi mạch và mô-đun vi điện tử: 15,57 triệu USD. Nhập khẩu từ Xingapo thiết bị tự động và phụ tùng thay thế với kim ngạch đạt 129,21 triệu USD; dầu thành phẩm: 73,43 triệu USD;

sản phẩm điện cơ: 66,05 triệu USD; nhựa sơ chế: 36,98 triệu USD; linh kiện thiết bị tự động hóa: 28,12 triệu USD. Nhập khẩu từ Thái Lan thiết bị tự động và phụ tùng thay thế với kim ngạch là 90,51 triệu USD; nhựa sơ chế: 37,6 triệu USD; cao su tự nhiên: 32,89 triệu USD; sản phẩm điện cơ: 29,42 triệu USD; vi mạch và mô-đun điện tử: 15,04 triệu USD. Nhập khẩu từ Việt Nam cao su tự nhiên với tổng kim ngạch 32,89 triệu USD; dầu thô: 24,81 triệu USD.

Bảng 1: THƯƠNG MẠI GIỮA TỈNH PHÚC KIẾN VỚI ASEAN NĂM 1996-2005

Đơn vị: Trăm triệu USD

	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Xuất khẩu sang ASEAN	Nhập khẩu từ ASEAN
1996	12,86	5,92	6,94
1997	14,17	6,80	7,37
1998	9,37	4,41	4,96
1999	10,62	5,23	5,39
2000	13,34	7,36	5,98
2001	17,88	9,35	8,53
2002	25,63	12,24	13,39
2003	31,58	13,64	17,94
2004	41,68	19,79	21,89
2005	46,55	24,28	22,27
2006	54,12	29,80	24,32
2007.1-8	43,98	25,14	18,84

Nguồn: Niên giám thống kê kinh tế đối ngoại Phúc Kiến; <http://www.fiet.gov.cn/>

Bảng 2: THƯƠNG MẠI GIỮA TỈNH PHÚC KIẾN VỚI CÁC NƯỚC ASEAN

Đơn vị: 10.000 USD

	Xuất nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xếp thứ
ASEAN	465535	242829	222706	
Brunây	237	237	0	9
Myanma	1379	1352	27	8
Cămpuchia	3020	2910	110	7
Indônêxia	63141	41355	21786	4
Lào	3	1	2	10
Malaixia	125154	47458	77696	1
Philippin	69948	42497	27451	3
Xinhhapo	115031	64781	50250	2
Thái Lan	60710	26149	34561	5
Việt Nam	26911	16088	10882	6

Nguồn: Niên giám thống kê kinh tế đối ngoại Phúc Kiến

Năm 2005, Phúc Kiến xuất khẩu sang Indônêxia sản phẩm điện cơ trị giá 110,15 triệu USD; vật liệu thép: 22,97 triệu USD; nhựa thành phẩm: 18,17 triệu USD; rau tươi: 15,3 triệu USD; linh kiện ô tô: 14,69 triệu USD. Xuất khẩu sang Malayxia sản phẩm điện cơ với kim ngạch 93,66 triệu USD; hàng may mặc và phụ kiện: 43,7 triệu USD; hoa quả và quả hạch đạt 19,58 triệu USD; trang sức kim loại quý đạt 19,19 triệu USD; mô tơ điện và máy phát điện đạt 18,65 triệu USD. Xuất khẩu sang Philippin sản phẩm điện cơ với tổng kim ngạch đạt 110,05 triệu USD; hàng may mặc và phụ kiện: 36,73 triệu USD; giấy các loại: 25,92 triệu USD; sản phẩm dệt: 23,26 triệu USD, linh kiện thiết bị xử lý số liệu tự động: 23 triệu USD. Xuất khẩu sang Xinhhapo sản phẩm điện cơ với kim ngạch đạt 164,11 USD; sản phẩm may

mặc và phụ kiện: 94,31 triệu USD; tàu thuyền: 92,90 triệu USD; nhôm chưa rèn và vật liệu nhôm: 15,28 triệu USD; dầu thành phẩm: 14,85 triệu USD. Xuất khẩu sản phẩm điện cơ sang Thái Lan với tổng kim ngạch đạt 67,48 triệu USD, côngtenơ: 22,14 triệu USD, sản phẩm dệt: 30,22 triệu USD, ô: 10,54 triệu USD, mô tơ điện và máy phát điện: 10,17 triệu USD. Xuất khẩu sản phẩm điện cơ sang Việt Nam với kim ngạch đạt 34,86 triệu USD; dầu thành phẩm: 31,47 triệu USD; sản phẩm dệt: 13,75 triệu USD.

2. Đầu tư song phương phát triển mất cân bằng

a) ASEAN đã đầu tư vào Phúc Kiến một lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp

Tính đến cuối năm 2005, Phúc Kiến đã thu hút 3110 dự án đầu tư từ các nước ASEAN, kim ngạch đầu tư trên hợp

đồng đạt 7,503 tỉ USD, số vốn thực tế đạt 4,073 tỉ USD. Từ tháng 1-7-2006, Phúc Kiến đã thu hút 767 triệu USD đầu tư trên hợp đồng từ các nước ASEAN; kim ngạch thực tế đạt 408 triệu USD⁽¹⁾ (xem bảng 3).

ASEAN trở thành nguồn đầu tư nước ngoài trên hợp đồng và trên thực tế lớn

thứ 3 của tỉnh Phúc Kiến. Chủ yếu các doanh nghiệp người Hoa gốc Phúc Kiến đầu tư. Lĩnh vực đầu tư của các nước ASEAN ở Phúc Kiến có liên quan tới nhiều lĩnh vực như bất động sản, chế biến sản xuất đá, trồng rau quả, nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải...

Bảng 3: KIM NGẠCH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TRÊN THỰC TẾ CỦA 5 NƯỚC ASEAN VÀO PHÚC KIẾN

Đơn vị: 10.000 USD

Năm	Philippin	Thái Lan	Malaisia	Xinhgapo	Indônêxia
1991	603	451	30	925	15
1992	1228	370	119	3019	734
1993	8619	698	2371	7738	2776
1994	9695	1158	4531	14685	3276
1995	7394	2220	5950	16028	1890
1996	1477	126	5786	15867	1501
1997	11348	63	5253	11559	1137
1998	5621	776	4982	15667	914
1999	4691	387	2413	9557	1374
2000	6734	979	5201	12282	1760
2001	10784	1881	3509	11298	2925
2002	10788	1282	4973	11468	1656
2003	11928	1597	2703	15404	3401
2004	13553	1083	3587	17445	2802
2005	10071	662	1368	7727	593

Nguồn: Niên giám thống kê kinh tế - xã hội Phúc Kiến

b) Quy mô đầu tư trực tiếp của tỉnh Phúc Kiến vào các nước ASEAN tương đối nhỏ

Kim ngạch đầu tư trên hợp đồng năm 2003 đạt 154 triệu USD, kim ngạch kinh doanh đạt 104 triệu USD; tính đến tháng 9 năm 2006, có tổng cộng 32 doanh nghiệp tỉnh Phúc Kiến đầu tư

trực tiếp vào ASEAN, tổng kim ngạch đầu tư 60,20 triệu USD⁽²⁾, ngành nghề đầu tư liên quan đến nhiều lĩnh vực như khai thác và phát triển tài nguyên, khai thác và phát triển nông nghiệp, bất động sản, nhận thầu công trình,... Công ty Võ Di Philippin thuộc Tổng Công ty Võ Di đã đầu tư 1 triệu USD, công ty xe máy

Trung Quốc - Indônêxia thuộc công ty xe máy Hằng Dương Chương Châu đầu tư 1,8 triệu USD,... đều gặt hái thành công. Tháng 6 - 2003, công ty hữu hạn điện tử tư nhân (Đông Nam Á) Hạ Tân (dưới đây gọi tắt là "Công ty Đông Nam Á Hạ Tân") thành lập ở Xinggapo, vốn đăng ký là 991,7 nghìn USD, Hạ Tân nắm giữ 90% cổ phần, chủ yếu chịu trách nhiệm kinh doanh ở khu vực Đông Nam Á, Nam Á. Tháng 11-2006, tại Hội chợ triển lãm Trung Quốc – ASEAN, Công ty TNHH (Tập đoàn) gang thép Tam Sơn tỉnh Phúc Kiến đã cùng Công ty hữu hạn Sari-Bumiane- Indônêxia ký hiệp định đầu tư thành lập liên Công ty hữu hạn khoáng sản Hán Oanh- Indônêxia, tổng vốn đầu tư của dự án này là 10 triệu USD, phía Trung Quốc đầu tư 5,5 triệu USD, chiếm 55% cổ phần, chủ yếu kinh doanh khai thác, chế biến và tiêu thụ mỏ sắt và than. Ngoài ra, Công ty TNHH tập đoàn cao su hoá chất Hoàn Khoa – Phúc Kiến, Công ty hữu hạn điện cơ Kiệt Long Chương Châu đã bước đầu đạt được mục đích hợp tác trong việc tận dụng tổng hợp sảm lốp xe cao su hỏng và sản xuất màng cửa cuốn với phía đối tác Việt Nam⁽³⁾

c) Hợp tác kinh tế ngày càng sôi động

ASEAN trở thành thị trường nhận thầu công trình lớn nhất và thị trường xuất khẩu lao động lớn nhất của Phúc Kiến ra nước ngoài. Tính đến tháng 9 năm 2006, tổng kim ngạch hợp đồng nhận thầu công trình và hợp đồng hợp tác lao động ký giữa doanh nghiệp tỉnh

Phúc Kiến với các nước ASEAN đạt 97,788 triệu USD, kim ngạch kinh doanh đạt 187,979 triệu USD, số người hết hạn hợp đồng ở lại đạt 18.262 người. Một bộ phận các công ty công trình nhà nước lớn của tỉnh Phúc Kiến đã xây dựng được tiếng tăm kinh doanh tốt đẹp ở các nước ASEAN, kỹ thuật của công nhân trong các ngành kiến trúc, điện tử... cũng nhận được sự đánh giá cao của hầu hết các chủ doanh nghiệp địa phương.

II. TÍNH BỔ SUNG VÀ CẠNH TRANH THƯƠNG MẠI GIỮA PHÚC KIẾN VỚI ASEAN

1. Cơ cấu ngành và cơ cấu thương mại giữa Phúc Kiến và ASEAN

Lâu nay, cơ cấu ngành nghề của tỉnh Phúc Kiến luôn lấy ngành tập trung nhiều lao động giữ vị trí chủ đạo. Cùng với việc điều chỉnh nâng cấp kết cấu ngành trong những năm gần đây, cơ cấu ngành của Phúc Kiến đã được nâng cao ở mức độ nhất định, tỉ trọng ngành nông nghiệp liên tục giảm, tỉ trọng ngành công nghiệp tăng ổn định, tỉ trọng ngành dịch vụ về cơ bản hợp lí. Trong quá trình điều chỉnh nâng cấp cơ cấu kinh tế, ngành tập trung nhiều lao động của tỉnh Phúc Kiến đã bắt đầu quá độ từ ngành có trình độ kỹ thuật thấp truyền thống, có giá trị phụ gia thấp sang các ngành tập trung nhiều lao động có trình độ kỹ thuật cao, giá trị phụ gia cao, nhưng do chịu hạn chế về trình độ phát triển khoa học kỹ thuật, tỉ trọng của ngành tập

trung vốn và kỹ thuật của tỉnh Phúc Kiến trong tổng GDP vẫn nhỏ hơn so với ngành tập trung nhiều lao động, ngành tập trung nhiều vốn và kỹ thuật vẫn cần được phát triển hơn nữa

So với Phúc Kiến, về mặt thời gian điều chỉnh cơ cấu ngành ở ASEAN diễn ra tương đối sớm. Ngay từ những năm 80 thế kỷ trước, các nước ASEAN cũ đã đi vào giai đoạn điều chỉnh đổi mới cơ cấu ngành, trong đó, tỉ trọng ngành công nghiệp của Xinggapo trong GDP từng bước tăng lên, tỉ trọng của các ngành nông nghiệp ở bốn nước ASEAN là Indônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia trong tổng GDP ngày càng giảm; sau khi bước vào những năm 90, các nước ASEAN đã chuyển đổi cơ cấu ngành từ sử dụng nhiều lao động làm nòng cốt sang ngành sử dụng nhiều lao động và sử dụng nhiều vốn tồn tại song song, phân công giữa các nước ASEAN bắt đầu phát triển dần theo hướng từ phân công hàng dọc sang phân công hàng ngang và phân công trình độ song song tồn tại.

Nhưng do chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính châu Á, bước đổi mới cơ cấu kinh tế của ASEAN bị chậm lại, trong khi đó, dưới sự lôi kéo của xu thế phát triển kinh tế, tốc độ điều chỉnh cơ cấu ngành của Phúc Kiến được đẩy nhanh, cơ cấu ngành của các nước ASEAN với Phúc Kiến đã bắt đầu theo hướng giống nhau, trong đó, ngành công nghiệp tương đối nổi bật, tỉ trọng và xu thế phát triển của ngành công nghiệp trong GDP cũng xích lại gần nhau.

Dựa trên GDP bình quân đầu người, tình hình phát triển khoa học kỹ thuật, trình độ công nghiệp hoá và mô hình thương mại, trình độ phát triển kinh tế giữa Phúc Kiến và ASEAN đại thể có thể phân thành 4 tầng nấc: tầng nấc thứ nhất là các nước và khu vực có thu nhập cao như: Xinggapo, Brunây, có lợi thế ngành khoa học kỹ thuật cao và sử dụng nhiều tri thức; Tầng nấc thứ 2 là quốc gia có thu nhập trung bình trên, như Malaixia, có lợi thế so sánh trung bình về kỹ thuật và ngành tập trung nhiều vốn; Tầng nấc thứ ba là các nước có thu nhập trung bình dưới, gồm: Thái Lan, Philippin, Indônêxia, có lợi thế về nguồn tài nguyên tự nhiên và ngành sử dụng nhiều lao động; Tầng nấc thứ 4 là các quốc gia và khu vực có thu nhập thấp Việt Nam, Campuchia, Lào, Myanma, có lợi thế về lao động giá rẻ và nguồn tài nguyên thiên nhiên. Phân tích đặc trưng cơ cấu ngành của các nước ASEAN có thể thấy, giữa các nước ASEAN có sự chênh lệch về cơ cấu ngành, thông qua phân tích so sánh, có thể thấy tỉnh Phúc Kiến không có lợi thế về cạnh tranh trong cơ cấu ngành. Một mặt, về khai thác phát triển và chế tạo sản phẩm khoa học kỹ thuật cao, tỉnh Phúc Kiến vẫn ở giai đoạn đầu, có sự chênh lệch tương đối lớn so với các nước như Xinggapo, Malayxia,... đang ở giai đoạn tương đối cao trong cơ cấu ngành kinh tế khu vực; ngoài ra, ngành sử dụng nhiều lao động nâng đỡ sự phát triển kinh tế Phúc Kiến lại cạnh tranh khốc liệt với các nước thuộc tầng nấc thứ 3 của

ASEAN như: Thái Lan, Indônêxia và Philippin.

2. Lợi thế so sánh của Phúc Kiến và ASEAN

Lý luận thương mại quốc tế truyền thống cho thấy, nguyên nhân phát triển thương mại quốc tế là tính bổ sung giữa “phân công quốc tế” với “lợi thế so sánh” trong cơ cấu sản phẩm. Nếu giá thành sản xuất một loại hàng hoá của một nước ở ngay tại nước đó (dùng sản phẩm khác để đo lường) thấp hơn so với giá thành sản xuất sản phẩm này ở các nước khác, thì nước này có lợi thế so sánh trong sản xuất sản phẩm này; nếu mỗi quốc gia đều xuất khẩu các loại hàng hoá có lợi thế so sánh của mình thì thương mại giữa hai nước có thể làm cho 2 nước đều thu lợi nhuận. Vì vậy, các nước được trời phú cho nguồn tài nguyên, với trình độ phát triển kinh tế khác nhau, tính bổ sung về “lợi thế so sánh” trong cơ cấu sản phẩm rất lớn, khả năng trao đổi thương mại là rất lớn. Dựa trên phân tích số liệu trong những năm gần đây⁽⁴⁾, cơ cấu sản phẩm giữa Phúc Kiến với các nước ASEAN có tính bổ sung về lợi thế so sánh.

Về các loại hàng hoá sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên, Brunây, Indônêxia, Malaixia, Thái Lan về cơ bản giữ được lợi thế so sánh trong xuất khẩu hàng hoá sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên, như dầu mỏ động thực vật, khoáng sản, sản phẩm nhựa, gỗ và sản phẩm từ gỗ,... trong khi đó lợi

thế so sánh của hàng hoá xuất khẩu loại này của Philippin, Xinggapo ngày càng kém đi. So với ASEAN, sau khi bước vào những năm 90 thế kỷ XX, tỉ trọng hàng hoá sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Phúc Kiến trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của tỉnh có xu hướng giảm sút, chứng tỏ lợi thế so sánh xuất khẩu hàng hoá này của tỉnh Phúc Kiến ngày càng kém đi.

Về hàng hoá sử dụng nhiều lao động chưa lành nghề, Indônêxia, Philippin, Thái Lan có lợi thế so sánh xuất khẩu, trong khi đó, lợi thế xuất khẩu sản phẩm này của các nước Malaixia, Xinggapo lại ngày càng kém đi. So với các nước ASEAN, tỉ trọng hàng hoá sử dụng nhiều lao động chưa lành nghề trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của Phúc Kiến ngày càng tăng, ví dụ như các sản phẩm giày dép, sản phẩm dệt và may mặc, chiếm khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu của Phúc Kiến, chứng tỏ lợi thế so sánh trong xuất khẩu hàng hoá này của tỉnh Phúc Kiến được tăng cường nhanh chóng.

Về hàng hoá tập trung nhiều kỹ thuật, Xinggapo, Malaixia có lợi thế so sánh, như cơ giới và thiết bị vận tải, máy móc văn phòng và thiết bị tự động hoá, thiết bị tín hiệu vô tuyến và thiết bị thu phát âm, đồ điện và dụng cụ điện. Về mặt này, Phúc Kiến không có lợi thế so sánh, lấy thiết bị ghi âm điện làm ví dụ, lợi thế so sánh giữa Phúc Kiến với ASEAN có phần khác nhau, ASEAN xuất khẩu sang Phúc Kiến chủ yếu là các mặt hàng

linh kiện điện tử có hàm lượng kỹ thuật cao, trong khi đó nhập khẩu từ Phúc Kiến chủ yếu là đồ điện thông dụng lấy gia công, lắp ráp làm nòng cốt.

Về hàng hoá sử dụng nhiều nguồn nhân lực, các nước ASEAN đều ở vị trí không có lợi trong xuất khẩu các mặt hàng loại này. So với ASEAN, lợi thế so sánh trong xuất khẩu hàng tập trung nguồn nhân lực của Phúc Kiến tương đối cao như: đồ điện gia dụng, thiết bị thu, phát âm...

3. Thương mại trong nội bộ ngành giữa Phúc Kiến và ASEAN

Từ thành phần cấu thành trong xuất nhập khẩu hàng hoá của Phúc Kiến cho thấy, hàng hoá xuất nhập khẩu của

Phúc Kiến đều lấy hàng thành phẩm làm nòng cốt. Trong các loại hàng hoá xuất khẩu, hàng hóa tạp phẩm và điện cơ, điện tử chiếm tỉ trọng rất lớn; trong số các loại hàng nhập khẩu, hàng điện cơ, điện tử chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Các loại hàng tạp phẩm, điện cơ, điện tử thuộc các ngành sử dụng nhiều lao động của Phúc Kiến và ASEAN có sự trao đổi trong nội bộ ngành. Về các mặt hàng như sản phẩm dệt, may mặc..., hàng hoá xuất khẩu của Phúc Kiến và ASEAN giống nhau, có sự cạnh tranh, nhưng do nguyên liệu, đẳng cấp, kiểu dáng,... cùng một loại sản phẩm của hai bên có sự khác biệt, vì vậy cũng có tính bổ sung lẫn nhau.

Bảng 4: CƠ CẤU HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA PHÚC KIẾN NĂM 2002

Đơn vị: %

	Nhập khẩu	Xuất khẩu
Hàng sơ chế	10,36	7,80
Hàng thành phẩm	89,63	92,1
Trong đó: Sản phẩm hoá học và các hàng hoá có liên quan	12,99	2,4
Hàng thành phẩm phân loại theo nguyên liệu	19,60	14,00
Máy móc và thiết bị vận tải	46,24	31,7
Hàng tạp phẩm	10,02	44,00
Hàng hoá khác chưa phân loại	0,79	0,02

Nguồn: Lưu Nghĩa Thánh, Vương Xuân Lệ: Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tháng 2-2006. Tìm hiểu bước đầu về khả năng trùng lặp ngành với thương mại trong nội bộ ngành giữa Phúc Kiến và ASEAN.

Về hàng điện cơ, điện tử, hiện nay hàng điện cơ, điện tử chiếm tỉ trọng tương đối lớn trong xuất khẩu các loại hàng hoá thành phẩm của Phúc Kiến,

hơn nữa tiềm năng tương đối lớn. Cơ sở công nghiệp ở các nước ASEAN tương đối yếu, nhu cầu xuất khẩu sản phẩm điện cơ tương đối lớn, phần lớn nhu cầu

sản phẩm điện cơ đẳng cấp trung bình và thấp, trong khi đó xuất khẩu sản phẩm cơ điện loại này của Phúc Kiến có lợi thế rất lớn, sản phẩm có chất lượng giống hoặc tương tự, lợi thế về giá cả tương đối cao. Về xuất khẩu hàng điện tử công nghiệp, các nước ASEAN có lợi thế tương đối, trong khi đó Phúc Kiến lại có lợi thế lớn về xuất khẩu đồ điện gia dụng. Do chủng loại các sản phẩm điện cơ, điện tử rất phong phú, không gian trao đổi để các nước phát huy thế mạnh, giảm yếu điểm của mình là rất lớn, ví dụ: sản phẩm điện cơ, điện tử mà ASEAN nhập khẩu từ Phúc Kiến lấy máy móc điện khí làm nòng cốt, trong khi đó, hàng điện cơ, điện tử Phúc Kiến nhập khẩu từ ASEAN phần nhiều là sản phẩm linh kiện điện tử.

Về trao đổi hàng sơ chế, Phúc Kiến và các nước ASEAN cũng diễn ra sự trao đổi thương mại trong nội bộ ngành, các nước ASEAN có nhu cầu về nông sản như: trà, rau xanh, các loại thịt... của tỉnh Phúc Kiến; Phúc Kiến lại cần các hàng hoá nguyên liệu công nghiệp và tài nguyên của các nước ASEAN như: nhựa sơ chế, cao su tự nhiên, dầu ăn thực vật, cửa gỗ, bột giấy, khí hoá lỏng, gỗ. Nhưng những sản phẩm này vẫn chiếm tỉ trọng tương đối nhỏ trong trao đổi thương mại song phương

III. TRIỂN VỌNG QUAN HỆ KINH TẾ- THƯƠNG MẠI PHÚC KIẾN - ASEAN

Quan hệ kinh tế giữa Phúc Kiến với ASEAN vừa cạnh tranh, nhưng vừa lại

hợp tác bổ sung. Trong khuôn khổ khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, do vị trí địa lý láng giềng, tôn giáo và văn hoá giữa Phúc Kiến với ASEAN giống nhau, hai bên hoàn toàn có thể xây dựng cầu nối kinh tế thương mại thông suốt hơn, tạo ra sân chơi rộng rãi và vững chắc hơn, phát huy đầy đủ các điều kiện về thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Nhưng cũng còn một số nhân tố không có lợi, chủ yếu gồm

1. Trong quá trình xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN

Tất nhiên Phúc Kiến cũng đứng trước sự cạnh tranh gay gắt giữa các tỉnh thành có liên quan trong nước. Tương đối nổi cộm là các tỉnh gần thậm chí tiếp giáp về mặt lãnh thổ với ASEAN như: Quảng Tây, Vân Nam, Quảng Đông. Những tỉnh thành này đã trở thành “cầu nối” của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN. Hai là, các tỉnh, thành ven biển như: Triết Giang, Giang Tô, Thượng Hải... kinh tế hướng ngoại phát triển nhanh chóng trong nhiều năm nay, để mở rộng thị phần và phát triển ở thị trường ASEAN rộng lớn trong 20 năm tới, các nước ASEAN đang áp dụng nhiều hình thức và biện pháp để khai thác, phát triển.

2. Hiệu quả “đi ra bên ngoài” của các doanh nghiệp Phúc Kiến không cao

Nguyên nhân chủ yếu là do: một là không hiểu rõ về tình hình các nước Đông Nam Á, trước khi làm việc lại không tìm hiểu về cơ quan nghiên cứu có

liên quan; *hai là*, quy mô quá nhỏ, không thể tạo thành một thị trường lớn; *ba là*, tản mát, thiếu hiệu quả tập trung; *bốn là* còn nhiều vấn đề về thể chế.

3. Việc tăng giá đồng Nhân dân tệ gây sức ép nhất định tới xuất khẩu hàng hoá sử dụng nhiều lao động của Phúc Kiến

Tỉ trọng hàng hoá sử dụng nhiều lao động chiếm tỉ trọng ngày càng lớn trong kim ngạch xuất khẩu của Phúc Kiến, như các sản phẩm giấy, sản phẩm dệt, may mặc, hàng tạp phẩm, chiếm khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu của Phúc Kiến, trong khi đó đồng Nhân dân tệ tăng giá sẽ làm cho Phúc Kiến mất đi lợi thế so sánh của các loại hàng hoá này. Theo một Tổng Giám đốc doanh nghiệp dệt Thượng Hải tiết lộ, giá cả thị trường quốc tế tương đối ổn định, nhưng Nhân dân tệ không ngừng tăng giá khiến chi phí xuất khẩu tăng lên nhanh chóng, dẫn đến thất thoát một lượng lớn đơn đặt hàng. Từ năm 2007 đến nay, 30-40% đơn đặt hàng của doanh nghiệp này đã chuyển sang Việt Nam, Campuchia, Ấn Độ và Malayxia, tổn thất trực tiếp vượt trên 100 triệu NDT. Hiện nay doanh nghiệp này chỉ dựa vào hoàn thuế xuất khẩu mới có thể duy trì chút ít lợi nhuận. Vị giám đốc này cho biết, đây là hiện tượng phổ biến trong ngành dệt hiện nay, ông chủ của hàng loạt các doanh nghiệp dệt ở Triết Giang đã rút khỏi ngành này. Vị giám đốc này ước tính, nếu Nhân dân tệ tăng giá đến 1:6,5, công nghiệp dệt của Trung Quốc sẽ gặp

hoạ lớn. Hơn nữa, chính sách hoàn thuế xuất khẩu cũng đang đứng trước thách thức, nếu Mỹ gây sức ép về vấn đề chống bán phá giá, lợi nhuận cuối cùng của doanh nghiệp dệt cũng có thể mất hết⁽⁶⁾.

Trong phát triển quan hệ kinh tế, thương mại với ASEAN, Phúc Kiến phát huy điểm mạnh, tránh điểm yếu, tận dụng đầy đủ các điều kiện có lợi, tích cực áp dụng các biện pháp, tranh thủ thể hiện tài năng trong cạnh tranh. Doanh nghiệp Phúc Kiến cần phải tận dụng đầy đủ các điều kiện có lợi như tiềm năng thị trường của các nước ASEAN, nguồn tài nguyên lao động phong phú, chính phủ khuyến khích, ủng hộ các ngành tương đối có lợi thế như hoá thạch, điện tử, máy móc, công nghiệp nhẹ, dệt, vật liệu xây dựng, thuốc, đồ điện gia dụng... của Phúc Kiến phát triển ra bên ngoài. Đồng thời với việc dẫn đầu trong các hoạt động thương mại, doanh nghiệp Phúc Kiến cần triển khai đầu tư ra nước ngoài, trọng điểm phát triển các dự án sản xuất chế biến và khai thác tài nguyên (như đánh bắt cá xa bờ, ngành nuôi trồng, lâm sản, khoáng sản...). Trong hợp tác kinh tế, thương mại với ASEAN, các doanh nghiệp Phúc Kiến cần coi các quốc gia có nhiều Hoa kiều Phúc Kiến, có nguồn tài chính mạnh như Indônêxia, Philippin, Xinggapo, Malaixia, Thái Lan và Việt Nam là tầng nấc thứ nhất, Campuchia, Myanma, Lào và Brunây làm tầng nấc thứ hai; về phương thức kinh tế thương mại, cần phải lấy thương mại làm nòng cốt, đầu tư song phương là phụ.

Thứ nhất, về việc đối phó với đồng Nhân dân tệ tăng giá, Phúc Kiến cần đẩy nhanh nâng cấp cơ cấu ngành, cần từng bước thoát ra khỏi mô hình phát triển lấy ngành sử dụng nhiều lao động làm nòng cốt, chuyển sang ngành sử dụng nhiều vốn hoặc ngành kỹ thuật cao. Ngành sử dụng nhiều lao động phải trả giá bằng thu nhập của cư dân trong nước (đặc biệt là nông dân) tăng trưởng thấp, từ đó tiêu dùng cũng tăng trưởng chậm, về lâu dài không có lợi cho sự phát triển kinh tế, có thể chuyển dịch một số ngành nghề sử dụng nhiều lao động sang một số nước lạc hậu hơn Trung Quốc (như Campuchia, Lào...) thông qua thực hiện chiến lược “đi ra bên ngoài”, đặc biệt chuyển dịch các ngành nghề và sản phẩm sử dụng nhiều lao động có thị trường rộng lớn ở địa phương, vừa có thể mở rộng quy mô hợp tác kinh tế, thương mại song phương lại vừa có thể thúc đẩy nâng cấp ngành nghề ở Phúc Kiến; cần phải đẩy mạnh sức cạnh tranh của máy móc điện tử và thiết bị vận tải một cách có chọn lọc, thông qua cạnh tranh hình thành ngành có sức cạnh tranh hạt nhân thực sự về mặt ý nghĩa. Đồng thời, Phúc Kiến cần phát triển thương mại trong nội bộ ngành với ASEAN. Thương mại trong nội bộ ngành là con đường có lợi chuyển cạnh tranh xuất khẩu thành hợp tác song phương, phương thức thương mại này chủ yếu do các công ty xuyên quốc gia là lực lượng thúc đẩy, chính phủ cần khuyến khích những doanh nghiệp xuyên quốc gia này đầu tư để

tăng cường quan hệ hợp tác chặt chẽ hơn trong khu vực; còn một phương thức nữa là khuyến khích doanh nghiệp hai bên đầu tư lẫn nhau, phát triển kinh tế, thương mại và hợp tác trong khu vực. Đồng thời Phúc Kiến và các nước ASEAN cần phải điều chỉnh cơ cấu trong nội bộ một ngành, không chỉ cần tạo thành sự bổ sung lẫn nhau về cơ cấu ngành, mà còn cần phải kéo dài chuỗi ngành nghề trong cùng một ngành, phát triển ngành nghề ở nhiều tầng nấc giữa hai bên cũng như phát triển ngành nghề cao cấp hơn, phát triển quan hệ bổ sung theo chiều dọc giữa các ngành trong cùng một tầng nấc, phát triển theo hướng đa nguyên hoá, nhiều tầng nấc và chất lượng khác nhau trong cùng một loại hàng hoá.

Thứ hai, về phương diện mở rộng đầu tư của Phúc Kiến sang ASEAN, khi thực hiện chiến lược “đi ra bên ngoài”, chính phủ cần xây dựng nhiều chủ thể đầu tư với nhiều hình thức dẫn dắt tiền vốn đầu tư trong dân gian Phúc Kiến sang ASEAN. Năm 2004, kim ngạch tiền vốn trong dân gian của Phúc Kiến đầu tư là 4,5 tỉ NDT, đầu tư dân gian Phúc Kiến chiếm tỉ trọng 36,8% đầu tư tài sản cố định trong toàn xã hội, chỉ đứng sau Triết Giang với 5,5 tỉ NDT. Hiện nay, hàng năm lượng kiều hối từ nước ngoài vào Phúc Kiến ít nhất đạt trên 20 tỉ USD. Mức độ sôi động của vốn dân gian của tỉnh Phúc Kiến ở các tỉnh khác đứng thứ 6-7 trên toàn quốc⁽⁶⁾. Do hiện nay doanh nghiệp tư nhân gặp phải nhiều

hạn chế trong lĩnh vực đầu tư trong nước, khiến cho một lượng tiền lớn trong nhân dân khó khăn không thể tìm ra cơ hội đầu tư phù hợp, ở trạng thái “để không”. Trong khi đó, đầu tư vào các nước ASEAN có thể tìm ra lối thoát phù hợp cho những dòng vốn giàu có trong dân.

Tỉnh Phúc Kiến có lợi thế Hoa kiều tương đối đông ở các nước ASEAN, cũng là khu vực có lộ phí thấp nhất để doanh nghiệp Phúc Kiến “đi ra bên ngoài”, ở vị trí có lợi trong mở rộng hợp tác đầu tư. Tập hợp người Hoa gốc Phúc Kiến vừa hiểu phong tục văn hoá của nước chủ nhà, lại vừa có quan chặt chẽ thiết với Phúc Kiến, là điều các doanh nghiệp Phúc Kiến cần khi tiến hành đầu tư trực tiếp xuyên quốc gia. Sự tồn tại của mạng lưới người Hoa gốc Phúc Kiến làm cho các doanh nghiệp Phúc Kiến đầu tư vào ASEAN có thể hoà nhập nhanh hơn và tốt hơn vào thị trường bản địa và hạ thấp chi phí giao dịch. Mạng lưới người Hoa gốc Phúc Kiến còn có thể cung cấp thông tin đầu tư cho các doanh nghiệp Phúc Kiến muốn đầu tư mở rộng kênh đầu tư tiên, vay tiền ở địa phương. Do đó, cần tận dụng đầy đủ vai trò cầu nối đặc biệt của Hoa kiều.

Phúc Kiến tích cực đầu tư vào các lĩnh vực đầu tư đã được mở rộng ở các nước ASEAN. Hiện nay các nước ASEAN đều đang ra sức cải thiện môi trường đầu tư, hoạch định hàng loạt chính sách ưu đãi, nhằm thu hút nhiều vốn nước ngoài hơn. Ví dụ: lĩnh vực đầu tư mà Malaixia mở cửa bao gồm công nghiệp với nền tảng là

nguồn tài nguyên thiên nhiên (như sản phẩm cao su, gỗ, hoá chất), công nghiệp máy móc, khoa học kỹ thuật sinh học, xây dựng cơ bản...; lĩnh vực đầu tư mà Philippin mở cửa càng rộng hơn, Philippin cần nhất là đầu tư với quy mô lớn vào ngành khai khoáng, nhà máy điện, hiện nay, không gian lợi nhuận của nhà máy điện cao nhất ở các nước ASEAN. Doanh nghiệp Phúc Kiến có thể trực tiếp đầu tư xây dựng nhà máy điện và nhà máy tải điện ở Philippin, không chỉ có thể nắm quyền cổ phần 100%, mà còn có thể tận dụng chính sách ưu đãi giảm hoặc miễn thuế của chính phủ địa phương.

Thứ ba, cần tận dụng tính bổ sung lẫn nhau, tăng cường hợp tác kinh tế. Về mặt hợp tác kinh tế, Phúc Kiến và các nước ASEAN có tính bổ sung lẫn nhau mạnh mẽ. Trong hợp tác nông nghiệp nhiều năm với Đài Loan, Phúc Kiến đã gặt hái được thành công và tích lũy được kinh nghiệm kỹ thuật phong phú trong ương hạt giống nông nghiệp chất lượng cao, nuôi cá, thuốc nông nghiệp, máy móc nông nghiệp, chế biến vận chuyển và dự trữ nông sản, đều có thể chuyển kỹ thuật từ Phúc Kiến sang các nước ASEAN. Đối với các nước ASEAN, hợp tác với tỉnh Phúc Kiến trong lĩnh vực nông nghiệp có thể nâng cao năng lực xuất khẩu nông sản, đẩy nhanh sự phát triển của nông nghiệp, từ đó làm cho các nước ASEAN thực sự thu được lợi ích thực tế từ “chương trình thu hoạch sớm” trong khu mậu dịch tự do với

Trung Quốc. Lào có tiềm năng phong phú về nước, Phúc Kiến có kinh nghiệm khai thác phát triển điện năng phong phú và lực lượng thi công hùng hậu, hoàn toàn có thể xây dựng quan hệ hợp tác khai thác phát triển điện lâu dài với các quốc gia này; hiện nay Indônêxia có nhu cầu cấp bách về nhà máy nhiệt điện, tỉnh Phúc Kiến có thể cung cấp thiết bị phát điện cho Indônêxia, đồng thời, các nguồn tài nguyên tự nhiên của Indônêxia như: khí tự nhiên, đồng, Mangan, nhôm.... phong phú, nhưng khả năng thăm dò địa chất khoáng sản tương đối kém, doanh nghiệp Phúc Kiến rất có khả năng trong đầu tư các dự án khai thác chế biến tài nguyên; Myanma, Lào và Việt Nam có nguồn tài nguyên lâm nghiệp phong phú, trong khi đó, trình độ khai thác gỗ, kỹ thuật gia công của tỉnh Phúc Kiến khá cao, cùng khai thác sẽ đem đến cơ hội mới, to lớn hơn; kinh tế của các nước Myanma, Campuchia, Lào phát triển tương đối chậm, đòi hỏi cấp bách xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, tỉnh Phúc Kiến có thể cử nhân viên kỹ thuật và đội thi công tới các nước này giúp đỡ (hoặc nhận thầu với hình thức đầu tư BOT) xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội như xây dựng đường, đường cao tốc, đường sắt; nguyên liệu sản xuất giấy của Việt Nam, đặc biệt là da rất thiếu, tiềm năng thị trường da to lớn. Việt Nam dự tính trong vòng 5 năm tới sẽ đầu tư 60 triệu USD để nhập khẩu thiết bị và kỹ thuật gia công giấy da, nâng cao chất lượng và sản lượng giấy da, từng bước

đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước. Trong khi đó, Phúc Kiến có lợi thế rõ rệt về giấy da và sản xuất giấy, vào thị trường Việt Nam cũng tương đối dễ dàng.

Người dịch: PHẠM HỒNG YẾN



CHÚ THÍCH:

1. Phỏng vấn Sở trưởng Sở Kinh tế-Thương mại đối ngoại tỉnh Phúc Kiến Trương Dương Bưu, Thực hiện bổ sung lẫn nhau của ngành nghề và tài nguyên với ASEAN cần phải có con đường mới, Thương báo Quốc tế, 18-10-2006

2. Như trên

3. Sở Kinh tế- Thương mại đối ngoại- Đoàn đại biểu tỉnh Phúc Kiến tham dự Triển lãm Trung Quốc – ASEAN lần thứ 3 đạt được thành quả nổi bật, mạng Bộ Thương mại Trung Quốc, 2006-11-20

4. Lưu Nghĩa Thánh, Vương Xuân Lệ: *Tìm hiểu bước đầu về khả năng trùng lặp ngành với thương mại trong nội bộ ngành giữa Phúc Kiến và ASEAN*, Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương tháng 2-2006

5. Chu Khải: *Nhân dân tệ liên tục tăng giá so với USD, các doanh nghiệp dệt phải hoàn thuế xuất khẩu mới có lối thoát* http://news.webtextiles.com/info/info_2040_93.htm 2007-01-18

6. Lý Kiến Kiên, Trần Yến: *Triển vọng đầu tư song phương Phúc Kiến- ASEAN*, Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, 2-2006